

**ĐỀ THI THỬ TỐT NGHIỆP THPT MÔN VẬT LÝ 12**  
**TRƯỜNG THPT CHUYÊN PHAN BỘI CHÂU**  
**Mã đề thi: 206**

Họ và tên thí sinh: .....Trường THPT.....

**PHẦN I. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.**

**Câu 1.** Quá trình cục nước đá chuyển thành nước được gọi là quá trình

- A. đông đặc.                      B. nóng chảy.                      C. bay hơi.                      D. ngưng kết.

**Câu 2.** Biểu báo nào dưới đây cảnh báo khu vực có nồng độ tia tử ngoại cao



A.



B.



C.



D.

Sử dụng các thông tin sau cho câu 3, câu 4 và câu 5:

Hình vẽ bên là hình ảnh của quạt điều hoà (còn gọi là quạt nước) và các tấm Cooling Pad. Cấu tạo của quạt có 5 bộ phận chính gồm: bình nước, máy phun hơi nước, tấm Cooling Pad, tấm giữ bụi, động cơ gắn với cánh quạt. Tấm Cooling Pad chính là bộ phận quan trọng, được thiết kế dưới dạng hình khối chữ nhật với các rãnh nhằm tiếp xúc với nước, đồng thời giữ nước lại. Tấm màng này chiết xuất từ vỏ cây nên khả năng thẩm thấu tương đối nhanh.



**Câu 3.** Khi hệ thống làm mát hoạt động, các rãnh của tấm Cooling Pad tiếp xúc với nước, đồng thời nước được giữ lại và nhiệt độ của nước sẽ thay đổi thế nào?

- A. tăng lên.                      B. giảm xuống.  
C. hạ xuống dưới 0 (°C).                      D. không thay đổi

**Câu 4.** Khi động cơ của quạt hoạt động thì động cơ đã chuyển hóa phần lớn

- A. cơ năng thành điện năng.                      B. điện năng thành nhiệt năng.  
C. điện năng thành cơ năng.                      D. nhiệt năng thành điện năng.

**Câu 5.** Khi quạt hoạt động thì không khí sau khi đi qua quạt so với trước đó lượng hơi nước trong không khí

- A. tăng lên và nhiệt độ giảm xuống.      B. giảm xuống và nhiệt độ giảm xuống  
C. giảm xuống và nhiệt độ không đổi.      D. tăng lên và nhiệt độ không đổi.

**Câu 6.** Sóng điện từ truyền trong chân không có bước sóng 900 nm thuộc loại tia nào sau đây?

- A. Tia tử ngoại.      B. Tia X.  
C. Tia hồng ngoại.      D. Tia gamma ( $\gamma$ ).

**Câu 7.** Một bạn học sinh dùng bơm có van một chiều để bơm không khí vào một quả bóng. Ban đầu quả bóng chứa không khí ở áp suất khí quyển  $p_0$ . Bóng có thể tích không đổi  $V$ . Coi nhiệt độ không khí trong và ngoài bóng như nhau và không đổi. Mỗi lần bơm đưa được một thể tích bằng  $0,2V$  không khí vào bóng. Sau lần bơm đầu tiên, áp suất không khí trong bóng là

- A.  $p = \frac{p_0}{1,2}$       B.  $p = 1,44p_0$       C.  $p = 1,2p_0$       D.  $p = \frac{p_0}{1,44}$

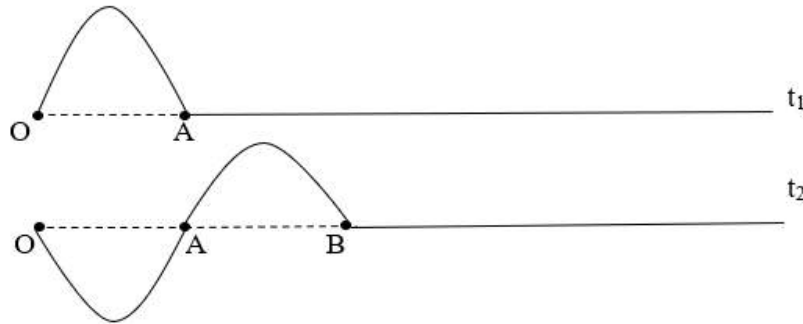
**Câu 8.** Một khối khí lí tưởng được giữ ở áp suất không đổi. Nếu làm cho nhiệt độ tuyệt đối của khối khí này tăng lên hai lần so với giá trị ban đầu thì thể tích khí bằng

- A. một phần tư giá trị ban đầu.      B. một nửa giá trị ban đầu.  
C. bốn lần so với giá trị ban đầu.      D. hai lần so với giá trị ban đầu.

**Câu 9.** Một khối khí lí tưởng có  $n$  mol khí, có nhiệt độ tuyệt đối  $T$ , có thể tích  $V$  thì áp suất  $p$  tác dụng lên thành bình là

- A.  $p = \frac{nV}{RT}$       B.  $p = \frac{RT}{nV}$       C.  $p = \frac{V}{nRT}$       D.  $p = \frac{nRT}{V}$

Sử dụng các thông tin sau cho câu 10, câu 11 và câu 12. Hình vẽ bên là hình ảnh sóng hình sin truyền trên một sợi dây đàn hồi rất dài từ đầu O (được căng ngang) tại hai thời điểm  $t_1$  và  $t_2$ .



**Câu 10.** Chu kì sóng trên dây là

- A.  $T = t_2 - t_1$ .      B.  $T = 0,5(t_2 - t_1)$ .      C.  $T = 4(t_2 - t_1)$ .      D.  $T = 2(t_2 - t_1)$ .

**Câu 11.** Bước sóng trên dây có giá trị bằng

- A. Hai lần độ dài đoạn OB.      B. độ dài đoạn OB.  
C. độ dài đoạn OA.      D. một nửa độ dài đoạn OA.

**Câu 12.** Tại thời điểm  $t_2$ , các phần tử dây tại O, A, B chuyển động như thế nào?

- A. O, A, B đều đang đi lên.      B. O và B đang đi lên, A đang đi xuống  
C. O và A đang đi lên, B đang đi xuống.      D. O, A, B đều đang đi xuống.

Sử dụng các thông tin ở bảng bên cho các câu 13 và câu 14.

Chất	Nhiệt dung riêng (J/kg.K)	Chất	Nhiệt dung riêng (J/kg.K)
Nhôm	880	Đất	800
Sắt	460	Nước đá	2100
Đồng	380	Nước	4180
Chì	130	Rượu	2500

**Câu 13.** Nhiệt lượng cần cung cấp cho 2 kg rượu nóng thêm 1 (°C) là

- A. 1250 J.                      B. 4180 J.                      C. 2500 J.                      D. 5000 J.

**Câu 14.** Các miếng Nhôm, Đồng, Sắt và Chì có cùng khối lượng. Nếu lần lượt cung cấp cho các miếng kim loại trên một nhiệt lượng như nhau thì miếng kim loại nào tăng nhiệt độ nhiều nhất?

- A. Đồng.                      B. Chì.                      C. Sắt.                      D. Nhôm.

**Câu 15.** Sự chuyển động liên tục của ong vò vẽ làm nó tích điện và tự tạo ra xung quanh mình một điện trường. Khi đậu vào bông hoa nó truyền cho bông hoa một điện tích. Ong vò vẽ tìm được mật hoa và phân biệt được hoa tươi với hoa đã hết mật là nhờ vào tính chất nào sau đây?

- A. Lực hút giữa điện tích trên bông hoa và điện tích trên cái râu của ong vò vẽ.  
B. Lực đẩy giữa điện tích trên bông hoa và điện tích trên cái râu của ong vò vẽ.  
C. Ong vò vẽ phát ra hạ âm và hạ âm bị phản xạ khi gặp bông hoa.  
D. Ong vò vẽ phát ra âm thanh và âm bị phản xạ khi gặp bông hoa.

**Câu 16.** Phương pháp nào sau đây không làm tăng nội năng của vật?

- A. Nước trong nồi được đun nóng.                      B. Cọ xát miếng kim loại vào mặt bàn.  
C. Viên bi được thả vào nước nóng.                      D. Viên bi rơi trong chân không.

Sử dụng thông tin ở bảng bên cho các câu 17 và câu 18:

Kim loại	Điện trở suất ở 20 <sup>0</sup> C ( $\Omega\text{m}$ )
Bạc	$1,62 \cdot 10^{-8}$
Đồng	$1,69 \cdot 10^{-8}$
Vàng	$2,44 \cdot 10^{-8}$
Nhôm	$2,75 \cdot 10^{-8}$
Sắt	$9,68 \cdot 10^{-8}$

**Câu 17.** Một dây dẫn hình trụ bằng đồng và một dây dẫn hình trụ bằng nhôm có cùng kích thước. Nếu đặt vào hai đầu mỗi dây cũng một hiệu điện thế thì tỷ số giữa công suất toả nhiệt trên dây đồng và công suất toả nhiệt trên dây nhôm xấp xỉ bằng

- A. 0,61.                      B. 2,65.                      C. 1,63.                      D. 0,38.

**Câu 18.** Bốn vật dẫn hình trụ có cùng kích thước được chế tạo bằng bạc (Ag), đồng (Cu), nhôm (Al), sắt (Fe). Lần lượt nối vào hai đầu mỗi vật dẫn cùng một nguồn điện có suất điện động không đổi thì dòng điện chạy trong dây dẫn nào có cường độ lớn nhất?

- A. Dây dẫn bằng Cu.                      B. Dây dẫn bằng Al.  
C. Dây dẫn bằng Fe.                      D. Dây dẫn bằng Ag.



**Câu 2:** Một nhóm học sinh lớp 12A một trường THPT thực hiện thí nghiệm thực hành đo nhiệt dung riêng của nước.



Bảng số liệu đo được			
Lần	t (°C)	τ (s)	P (W)
1	9,6	323	11,0
2	15,6	644	10,9
3	21,6	997	11,0
4	27,6	1351	10,8
5	33,6	1739	11,0

+ Họ đã lựa chọn bộ dụng cụ thí nghiệm gồm: biến thế nguồn (1), bộ đo công suất nguồn điện (oát kế có độ chính xác là 0,1 W) có tích hợp chức năng đo thời gian (2), nhiệt kế điện tử (3) có độ chính xác là 0,1°C, nhiệt lượng kế bằng nhựa có vỏ xốp kèm dây điện trở (4), cân điện tử (5) có độ chính xác 0,01 g như hình vẽ.

+ Họ đã lựa chọn phương án thí nghiệm: đo nhiệt lượng Q cung cấp cho khối lượng nước m để làm tăng nhiệt độ của nó lên Δt và tính nhiệt dung riêng theo công thức:  $c = \frac{Q}{m \cdot \Delta t}$ .

Thí nghiệm được tiến hành với khối lượng nước là 145,62 g và nhiệt độ ban đầu của nước là 9,6°C. Nhóm học sinh này đã xác định được tổng nhiệt dung (nhiệt lượng cần cung cấp cho 1 vật để nhiệt độ của nó tăng thêm một độ) của bộ dụng cụ kèm theo (gồm bình nhiệt lượng kế, dây điện trở và thanh dẫn, nhiệt kế và que khuấy) là  $c_0 = 44,3 \text{ J/kg.K}$ . Bảng số liệu đo được như ở hình bên.

- Công suất toả nhiệt trung bình của dây điện trở là 10,9 W.
- Sai số tỷ đối của phép đo độ chênh lệch nhiệt độ giữa hai lần đo liên tiếp do dụng cụ đo (nhiệt kế điện tử) gây ra là 2,67%.
- Gọi độ tăng nhiệt độ ở hai lần đo liên tiếp là Δt (độ) và khoảng thời gian ở hai lần đo liên tiếp là Δτ (s). Giá trị trung bình của tỷ số giữa Δt và Δτ trong thí nghiệm là 0,017 (độ/s).
- Từ kết quả thí nghiệm, giá trị trung bình của nhiệt dung riêng của nước đo được là  $c = 4100 \text{ (J/kgK)}$ .

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....







**Câu 3.** Hương vị của bia Hà nội đã trở thành một thương hiệu mà nhiều người yêu thích. Mở nắp một chai bia rồi rót 200 g bia vào cốc. Cho vào cốc 40 g nước đá ở nhiệt độ  $-2,8\text{ }^{\circ}\text{C}$  thì ta sẽ được một cốc bia mát. Biết nhiệt dung riêng của bia là  $3830\text{ J/kg.K}$ , nhiệt dung riêng của nước đá là  $1800\text{ J/kg.K}$ ; nhiệt nóng chảy riêng của nước đá là  $3,4 \cdot 10^5\text{ J/kg}$ , nhiệt dung riêng của nước là  $4200\text{ J/kg.K}$ . Ban đầu bia có nhiệt độ là  $32\text{ }^{\circ}\text{C}$ . Bỏ qua sự trao đổi nhiệt với môi trường và sự trao đổi nhiệt với thành cốc. Sau khi nước đá tan hết, nhiệt độ của cốc bia là bao nhiêu  $^{\circ}\text{C}$ ? (lấy đến một con số sau dấu phẩy).

.....

.....

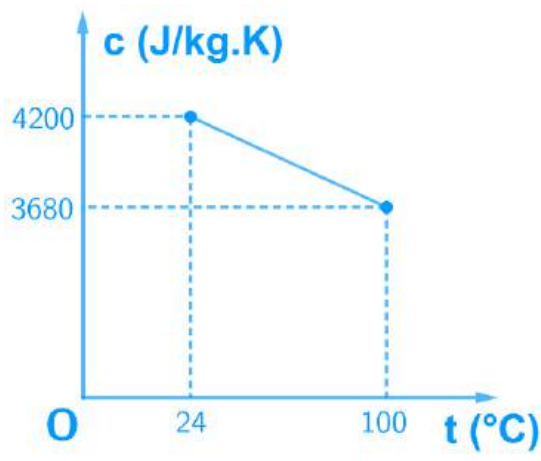
.....

.....

.....

.....

**Câu 4.** Dùng ấm điện có các thông số cho ở hình bên để đun sôi nồi nước chè có khối lượng tổng cộng 2,5 kg (không kể khối lượng của ấm). Biết nhiệt dung riêng của hỗn hợp nước chè trong ấm phụ thuộc nhiệt độ như đồ thị bên phải. Nhiệt độ ban đầu của nước là  $24\text{ }^{\circ}\text{C}$ ; coi nhiệt độ sôi của nước chè là  $100\text{ }^{\circ}\text{C}$ . Nhiệt lượng để đun sôi nước chè chiếm 80% nhiệt lượng mà dây may so trong ấm tỏa ra. Thời gian để đun sôi nước chè là bao nhiêu phút? (lấy đến một chữ số sau dấu phẩy).



.....

.....

.....

.....

.....

.....

**Câu 5.** Một khối khí có thể tích 3 lít, được cung cấp một nhiệt lượng 400 J thì nó giãn nở ở áp suất không đổi ( $10^5$  Pa) đến thể tích 4,5 lít. Nội năng của khối khí này tăng thêm bao nhiêu J? (lấy đến chữ số hàng đơn vị).

**Câu 6.** Một cốc thủy tinh hình trụ có đường kính 4,0 cm được dùng để giác (chữa bệnh). Đốt cồn để nung nóng không khí trong cốc lên tới  $t_1 = 80,0$  °C rồi úp vào lưng bệnh nhân cho kín miệng cốc. Khi không khí nguội đi thì da bị hút phồng lên. Nhiệt độ không khí trong phòng là  $t = 20,0$  °C và áp suất khí quyển là  $10^5$  Pa. Bỏ qua sự thay đổi thể tích khí trong cốc do da phồng lên. Áp lực mà cốc tác dụng lên da (do chênh lệch áp suất trong và ngoài da) là bao nhiêu? (lấy đến 1 chữ số sau dấu phẩy).